

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục
tỉnh Thanh Hóa năm học 2026 - 2027

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 108/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2024/TTr-SGDĐT ngày 06 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2026 - 2027, như sau:

1. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non

- Số cơ sở giáo dục: 680 trường, trong đó: 631 trường công lập, 49 trường tư thục; 421 cơ sở mầm non độc lập tư thục và 322 điểm lẻ.

- Quy mô số nhóm/lớp, số trẻ: 8.921 nhóm/lớp, với 209.996 trẻ, trong đó: Công lập 7.261 nhóm/lớp, với 179.817 trẻ; tư thục 1.660 nhóm/lớp, với 30.179 trẻ, cụ thể:

+ Đối với nhà trẻ: 2.342 nhóm, với 44.532 trẻ, trong đó: Công lập 1.736 nhóm, với 34.620 trẻ; tư thực 606 nhóm, với 9.912 trẻ; huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt tỷ lệ 34%.

+ Đối với mẫu giáo: 6.579 lớp, với 165.464 trẻ, trong đó: Công lập 5.525 lớp, với 145.197 trẻ; tư thực 1.054 lớp, với 20.267 trẻ; huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt tỷ lệ 97,6%.

2. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông

a) Tiểu học

- Số trường: 583 trường, trong đó: 578 trường công lập, 05 trường tư thực; 255 điểm lẻ.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 1, năm học 2026 - 2027): 11.012 lớp, với 341.923 học sinh, trong đó: Công lập 10.795 lớp, với 337.538 học sinh; tư thực 217 lớp, với 4.385 học sinh; trường phổ thông nội trú TH&THCS 116 lớp, với 2.394 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 1: 2.148 lớp, với 65.784 học sinh, trong đó: Công lập 2.102 lớp, với 64.680 học sinh; tư thực 46 lớp, với 1.104 học sinh. Cấp tiểu học trong trường phổ thông nội trú TH&THCS 23 lớp, với 515 học sinh.

b) Trung học cơ sở

- Số trường: 607 trường, trong đó: 604 trường công lập, 03 trường tư thực; 37 điểm lẻ, cụ thể:

+ Trường trung học cơ sở: 527 trường công lập, trong đó: 11 trường phổ thông dân tộc nội trú, 08 trường phổ thông dân tộc bán trú.

+ Trường tiểu học và trung học cơ sở: 80 trường, trong đó: 77 trường công lập (bao gồm 06 trường PTNT TH&THCS); 03 trường tư thực.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 6, năm học 2026 - 2027): 7.425 lớp, với 293.107 học sinh, trong đó: Công lập 7.317 lớp, với 290.332 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 88 lớp, với 2.836 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 93 lớp, với 3.508 học sinh; trường phổ thông nội trú TH&THCS 57 lớp với 1.958 học sinh; tư thực 108 lớp, với 2.775 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 6: 1.898 lớp, với 75.260 học sinh, trong đó: Công lập 1.864 lớp, với 74.261 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 22 lớp, với 770 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 25 lớp, với 913 học sinh; trường phổ thông nội trú TH&THCS 17 lớp, với 538 học sinh; tư thực 34 lớp, với 999 học sinh.

c) Trung học phổ thông

- Số trường: 109 trường, trong đó: 89 trường công lập, 20 trường tư thực, cụ thể:

+ Trường trung học phổ thông: 86 trường, trong đó: 80 trường công lập, bao gồm: 01 trường trung học phổ thông chuyên, 02 trường phổ thông dân tộc nội trú và 06 trường tư thục;

+ Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: 08 trường công lập;

+ Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 15 trường, trong đó: 01 trường công lập (tự chủ) và 14 trường tư thục.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 10, năm học 2026-2027): 2.808 lớp, với 121.927 học sinh, trong đó: Công lập 2.606 lớp, với 114.555 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 36 lớp, với 1.258 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 36 lớp, với 1.252 học sinh; tư thục 202 lớp, với 7.372 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 10: 993 lớp, với 44.160 học sinh, trong đó: Công lập 909 lớp, với 40.665 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 12 lớp, với 420 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 12 lớp, với 420 học sinh; tư thục 84 lớp, với 3.495 học sinh.

3. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục thường xuyên

- Số trung tâm: 24 trung tâm, trong đó: 23 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp.

- Quy mô số lớp, số học viên: 341 lớp, với 15.374 học viên (cả tuyển sinh lớp 10, năm học 2026 - 2027).

Tuyển sinh vào lớp 10 Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 124 lớp, với 5.580 học viên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ chỉ tiêu được phê duyệt tại Quyết định này, giao chỉ tiêu cụ thể đến các xã, phường; các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương, đơn vị.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện chỉ tiêu được giao; điều chỉnh chỉ tiêu về số lớp, số học sinh cho các cơ sở giáo dục mới thành lập hoặc chia tách, sáp nhập thành cơ sở mới, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của mỗi địa phương.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra, giám sát và hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đảm bảo đúng quy chế, đúng đối tượng và chỉ tiêu được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh, tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các sở: Tài chính, Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo việc lập dự toán và sử dụng ngân sách sự nghiệp giáo dục được phân bổ; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2026 - 2027 và việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ chỉ tiêu về số lớp, số học sinh được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương thuộc phạm vi quản lý.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện chỉ tiêu được giao; tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đảm bảo đúng quy chế, đúng đối tượng và chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức thực hiện rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn để nâng cao chất lượng giáo dục, sử dụng cơ sở vật chất trường học hiệu quả; bố trí phù hợp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; tiết kiệm các nguồn lực đầu tư, tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng